

Số: 1021/QĐ-HĐTSDTTHS

Hà Nội, ngày 7 tháng 10 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
về việc công nhận kết quả trúng tuyển kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ
chuyên ngành Quan hệ quốc tế đợt 2 năm 2019

CHỦ TỊCH HĐQTS ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

Căn cứ Quyết định số 07/2019/QĐ-TTg, ngày 15/02/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Ngoại giao trực thuộc Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/05/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Quyết định số 709/QĐ-HVNG ngày 02/10/2014 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ tại Học viện Ngoại giao;

Căn cứ Quyết định số 414/QĐ-HVNG ngày 27/05/2019 của Giám đốc Học viện Ngoại giao về việc thành lập Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2 năm 2019;

Căn cứ kết quả tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ Quan hệ quốc tế đợt 2 năm 2019 của Chủ tịch HĐQTS ký ngày 26 tháng 09 năm 2019;

Xét đề nghị của Hội đồng tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xác định điểm chuẩn trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế đợt 2 năm 2019 là: 10.0.

Điều 2. Công nhận các thí sinh trong danh sách kèm theo trúng tuyển trong kỳ thi tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quan hệ quốc tế đợt 2 năm 2019.

Điều 3. Trưởng Ban Đào tạo, Trưởng các đơn vị liên quan và các thí sinh trong danh sách kèm theo có trách nhiệm thi hành quyết định này từ ngày ký. / *ds*

Nơi nhận:

- Bộ Ngoại giao (để b/c);
- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Như điều 3;
- Lưu: VP, ĐTSDH.



PGS.TS. Nguyễn Vũ Tùng

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
KỶ THI TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH QHQT ĐỢT 2 NĂM 2019
(Ban hành kèm theo Quyết định: 1024 /QĐ/HVNG ngày 7 tháng 10 năm 2019 của Chủ tịch HĐTS)

STT	Họ và tên	Khối Thi	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI				Ghi chú
						Cơ bản (Triết học)	Cơ sở (CTQT)	Tổng CB+CS	Kết quả NN	
1	La Thị Mỹ Anh	D1	nữ	02/09/1984	1	7.0	6.0	13.0	ĐẠT	
2	Nguyễn Tuấn Anh	D1	nam	20/05/1975	2	7.0	6.5	13.5	ĐẠT	
3	Nguyễn Việt Anh	D1	nam	26/01/1992	3	5.0	6.0	11.0	ĐẠT	
4	Hoàng Bảo Châu	D1	nữ	18/05/1995	4	6.0	6.5	12.5	IELTS 7.0	
5	Nguyễn Đức Chính	D1	nam	23/09/1997	5	6.0	7.0	13.0	IELTS 7.0	
6	Lê Chí Công	D1	nam	27/05/1987	6	7.5	7.5	15.0	ĐẠT	
7	Ngô Văn Cường	D1	nam	09/05/1988	7	8.5	6.0	14.5	ĐẠT	
8	Trần Mạnh Cường	D1	nam	13/06/1994	8	7.5	7.0	14.5	ĐẠT	
9	Vũ Việt Duy	D1	nam	16/09/1995	9	7.5	5.0	12.5	ĐẠT	
10	Đào Văn Duy	D1	nam	25/03/1976	10	6.5	6.0	12.5	ĐẠT	
11	Tô Hải Đăng	D1	nam	18/05/1997	11	7.5	6.5	14.0	IELTS 6.5	
12	Lưu Xuân Đồng	D1	nam	19/05/1977	12	8.0	6.5	14.5	ĐẠT	
13	Trần Văn Hải	D1	nam	28/05/1997	13	6.0	5.5	11.5	IELTS 6.0	
14	Lê Hoàng Hạnh	D1	nữ	31/03/1997	14	5.0	5.0	10.0	HVNG/NN Anh	
15	Đào Thị Thu Hiền	D1	nữ	10/07/1997	15	5.0	6.5	11.5	TOEFL 603	

CVB

STT	Họ và tên	Khối Thi	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI				Ghi chú
						Cơ bản (Triết học)	Cơ sở (CTQT)	Tổng CB+CS	Kết quả NN	
16	Nguyễn An Huy	D1	nam	04/07/1997	16	5.0	6.0	11.0	IELTS 6.5	
17	Nguyễn Trọng Huy	D1	nam	28/05/1995	17	7.5	6.0	13.5	IELTS 6.5	
18	Tổng Mỹ Linh	D1	nữ	04/11/1995	18	7.5	6.0	13.5	ĐẠT	
19	Nguyễn Ngọc Mai	D1	nữ	04/02/1997	19	5.0	6.0	11.0	ĐẠT	
20	Nguyễn Đoàn Minh	D1	nam	08/12/1988	20	7.5	6.5	14.0	HVNG/NN Anh	
21	Tân Quang Minh	D1	nam	01/09/1996	21	6.0	5.5	11.5	ĐẠT	
22	Vũ Thị Thu Ngân	D1	nữ	07/02/1997	22	7.5	7.5	15.0	TOEFL 587	
23	Phạm Hồng Nhung	D1	nữ	06/01/1997	24	8.5	7.5	16.0	IELTS 6.0	
24	Vũ Trung Sơn	D1	nam	10/08/1995	25	5.5	6.5	12.0	ĐẠT	
25	Trịnh Hoàng Sơn	D1	nam	02/11/1985	26	8.0	6.0	14.0	ĐẠT	
26	Nguyễn Phương Thanh	D1	nữ	24/09/1986	27	6.5	7.0	13.5	ĐẠT	
27	Đào Hà Thu	D1	nữ	07/12/1996	28	8.5	5.0	13.5	IELTS 6.5	
28	Nguyễn Thị Thu	D1	nữ	10/10/1992	29	6.0	6.5	12.5	ĐẠT	
29	Đoàn Quang Thuận	D1	nam	03/07/1980	30	7.0	6.5	13.5	ĐẠT	
30	Nguyễn Thị Hồng Thư	D1	nữ	21/07/1986	31	8.5	7.0	15.5	ĐẠT	
31	Trịnh Quỳnh Trang	D1	nữ	15/09/1985	32	7.0	5.5	12.5	ĐẠT	
32	Nguyễn Huyền Trang	D1	nữ	10/11/1986	33	7.0	6.5	13.5	ĐẠT	
33	Trần Trung	D1	nam	14/02/1991	34	6.5	7.0	13.5	HVNG/NN Anh	
34	Vũ Anh Tuấn	D1	nam	28/10/1997	35	5.0	6.5	11.5	IELTS 7.0	
35	Trần Anh Tuấn	D1	nam	08/04/1991	36	5.5	7.5	13.0	ĐẠT	
36	Nguyễn Thanh Xuân	D1	nữ	14/09/1996	38	6.5	7.5	14.0	HVNG/NN Anh	

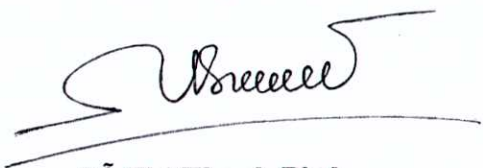
CVB



STT	Họ và tên	Khối Thi	GT	Ngày sinh	SBD	KẾT QUẢ DỰ THI				Ghi chú
						Cơ bản (Triết học)	Cơ sở (CTQT)	Tổng CB+CS	Kết quả NN	
37	Nguyễn Minh Mẫn	D4	nam	08/10/1993	39	8.5	7.5	16.0	HSK 5	
38	Phạm Hồng Thanh	D4	nam	16/07/1979	40	8.0	7.0	15.0	ĐHNN, ĐHQG HN/ Tiếng Trung	
39	Nguyễn Thị Hoàng Ánh	D1	nữ	09/08/1997	41	5.0	7.0	12.0	IELTS 7.0	

Danh sách gồm 39 người.

Người lập bảng



Đỗ Thị Thanh Bình



CHỦ TỊCH HĐQT
GIÁM ĐỐC

PGS.TS. Nguyễn Vũ Tùng

